TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:16/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2017
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Chức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hồng;

2. Ông Hồ Văn Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

Ngày *27*/9/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 104/2017/TLST-HNGĐ ngày 29/6/2017 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09 ngày 06/9/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Như Q, sinh 1983. Trú tại: Tổ dân phố T, phường A, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk; có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn Th, sinh 1984. Trú tại: Thôn T, xã C, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như Q trình bày: Chị Q và anh Phạm Văn Th tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 19/7/2010 tại UBND phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đăk Lăk. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn trầm trọng nhất là năm 2016. Chị Q đã đưa đơn ly hôn đến Tòa án nhiều lần và vợ chồng cũng đã sống ly thân một thời gian, sau đó chị Q rút đơn để về đoàn tụ, hàn gắn nhưng không được vì mâu thuẫn giữa chị Q và anh Th ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng ý kiến, thường xuyên xảy ra cãi vã với nhau, anh Th không chung thuỷ trong hôn nhân nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, anh Th về nhà sống cùng với bố mẹ

đẻ của anh Th tại thôn T, xã C, thị xã B. Nay chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Q ly hôn với anh Th để giải thoát cho cả hai.

Về con chung, quá trình chung sống chị Q và anh Th có một con chung tên Phạm Nguyễn Minh H, sinh ngày 15/6/2011, hiện con đang ở với chị Q. Chị Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng Th và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Q.

Về tài sản chung, chị Q không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Văn Th đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, biết được yêu cầu ly hôn của chị Q và Tòa án cũng đã triệu tập anh Th nhiều lần đến giải quyết vụ án nhưng anh Th vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Q.

Tại phiên toà chị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Văn Th đã nhận thông báo thụ lý vụ án, được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên không thể hoà giải được theo quy định tại Điều 205, khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 54 Luật Hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, anh Th vắng mặt lần thứ hai, việc cố tình vắng mặt của anh Th là tự mình đã từ bỏ quyền được pháp luật bảo vệ và phải chịu hậu quả pháp lý của việc giải quyết vắng mặt; vì vậy để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị Q và anh Th tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 19/7/2010 có đăng ký kết hôn tại UBND phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đăk Lăk. Quá trình chung sống hai bên sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn ngày càng kéo dài. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Q và anh Th tính tình không hợp nhau, không tin tưởng nhau, bất đồng ý kiến, thường xuyên xảy ra cãi vã với nhau; chị Q đã hai lần nộp đơn xin ly hôn, song được sự hoà giải động viên của Toà án chị Q đã rút đơn khởi kiên để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn nhưng không được, nay vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016, anh Th về nhà sống cùng với bố mẹ đẻ tại thôn T, xã C, thị xã B. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Q xác định không còn tình cảm nên kiên quyết xin ly hôn. Xét yêu cầu ly hôn của chị Q thì thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hoà giải được, hai bên không còn mục đích xây dựng hạnh phúc chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q để tạo điều kiện cho mỗi người có

một cuộc sống khác phù hợp hơn quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Q và anh Th có một con chung tên Phạm Nguyễn Minh H, sinh ngày 15/6/2011 hiện đang ở cùng với chị Q. Xét thấy: Chị Q đang công tác ổn định tại Nhà văn hóa thị xã Buôn Hồ còn anh Th đã có đơn xin nghỉ việc và sau khi vợ chồng ly thân anh Th về nhà của bố mẹ đẻ ở (tại xã C, thị xã B); cháu H ở với chị Q và đi học tại Trường Tiểu học K, phường A, thị xã B. Vì vậy, để tránh gây sự xáo trộn lớn trong cuộc sống cũng như để con chung được nuôi dưỡng và phát triển bình thường về mọi mặt và điều kiện của các bên sau ly hôn nghĩ cần chấp nhận giao cháu H cho chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng và chị Q không yêu cầu anh Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Q và anh Th được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Chị Q không yêu cầu giải quyết, còn anh Th không có ý kiến nên Toà án không đặt ra để xem xét giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 205, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, và Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như Q.

-*Về hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị Như Q được ly hôn với anh Phạm Văn Th.

-*Về con chung:* Giao con chung Phạm Nguyễn Minh H, sinh ngày 15/6/2011 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, tròn 18 tuổi.

Anh Th được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Q không yêu cầu nên anh Thành không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Q.

- *Về tài sản chung*: Chị Q không yêu cầu còn anh Th không có ý kiến nên Tòa án không đặt ra để xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Như Q phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0003806 ngày 29/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đăk Lăk;*
- *VKSND tx Buôn Hồ;*
- *Chi cục THADS tx Buôn Hồ;*
- *UBND phường A, tx B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, Vp.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

HOÀNG MINH CHỨC